

CẢM HỨNG NHÂN VĂN TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN TRÍ

Hồ Thị Ngọc Nho

Học viên cao học, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

Email: ngochno2009@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 04/7/2022; Ngày nhận chỉnh sửa: 01/8/2022; Ngày duyệt đăng: 31/8/2022

Tóm tắt

Trong “Trí Khùng tự truyện”, Nguyễn Trí cho rằng: “Với tôi, đơn giản, văn chương phải khiến con người trở nên hướng thiện” (Nguyễn Trí, 2017c). Nhận định trên cũng chính là quan niệm nghệ thuật thể hiện rõ cảm hứng nhân văn trong từng trang viết của ông. Là một nhà văn để lại nhiều dấu ấn của văn học Việt Nam đương đại, Nguyễn Trí khá thành công ở thể loại truyện ngắn khi viết về những mảnh đời cơ cực dưới đáy xã hội, những phận người bất hạnh vật lộn mưu sinh bị đẩy đến tận cùng khổ đau để phơi bày những mặt trái của xã hội; đằng sau vẫn lấp lánh khát vọng sống lương thiện, được làm người đàng hoàng, tử tế và mong mỗi hạnh phúc đời thường dù bé mọn, giản dị.

Từ khóa: Cảm hứng nhân văn, Nguyễn Trí, khát vọng sống lương thiện.

HUMANITARIAN INSPIRATION IN NGUYEN TRI'S SHORT STORIES

Ho Thi Ngoc Nho

Postgraduate, School of Social Sciences and Humanities, Can Tho University, Vietnam

Email: ngochno2009@gmail.com

Article history

Received: 04/7/2022; Received in revised form: 01/8/2022; Accepted: 31/8/2022

Abstract

In “Tri Khung Tu Truyen”, Nguyen Tri said: “For me, literature simply has to make people good” (Nguyen Tri, 2017c). The above statement is also the artistic conception that clearly shows the humanistic inspiration in each of his writings. Nguyen Tri, who has left many imprints on contemporary Vietnamese literature, is fairly successful in his short story genre on the destitute lives at the bottom of society, the unfortunate fates struggling to make a living, pushing to the end of suffering to expose the dark sides of society; behind still sparkles the desire of all mankind to live in honest, hope for happiness in a normal life even though it is just small and simple.

Keywords: Hope to live honestly, humanitarian inspiration, Nguyen Tri.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.12.4.2023.1060>

Trích dẫn: Hồ, T. N. N. (2023). Cảm hứng nhân văn trong truyện ngắn Nguyễn Trí. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(4), 70-81. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.4.2023.1060>.

1. Đặt vấn đề

Theo *Từ điển Thuật ngữ văn học*, chủ nghĩa nhân văn là: “toàn bộ những tư tưởng, quan điểm, tình cảm quý trọng các giá trị của con người như trí tuệ, tình cảm, phẩm giá, sức mạnh, vẻ đẹp” (Lê & cs., 2010, tr. 88). Trên hành trình sáng tạo nghệ thuật, con người và thân phận con người luôn là đối tượng tạo nên cảm hứng cho nhà văn như M.Gorky khẳng định: “Văn học là nhân học”.

Có thể lý giải cảm hứng nhân văn luôn là cảm hứng chủ đạo, nổi bật trong truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Trí bởi vì ông trải qua rất nhiều nghề từ đào vàng, khai thác trầm hương đá quý, đồ tể, công nhân đến xe ôm, đốt than, chặt củi hay giáo viên dạy tiếng Anh cho một trường cấp hai ở vùng sâu vùng xa. Năm tháng cơ cực bươn chải, mưu sinh là chất liệu để ông viết bằng sự mẫn cảm, thấu hiểu và xót xa trước những phận người bất hạnh.

Năm 2013, với số phiếu bình chọn tuyệt đối, Nguyễn Trí vinh dự nhận được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam cùng tập truyện ngắn *Bãi vàng, đá quý, trầm hương*. Ông viết tràn đầy năng lượng, ghi dấu ấn “Trí khùng” trên văn đàn Việt Nam đương đại với hàng loạt tập truyện ngắn như: *Đồ Tể, Áo và sợ, Ngụy, Khùng, Mạt cưa - rượu trắng - đường vàng...* Nhân vật trong tác phẩm của ông đều có số phận cơ cực, éo le bị cuộc đời vùi dập đến mức tuyệt vọng nhưng họ vẫn khát khao hạnh phúc và tin yêu vào cuộc đời.

Văn phong của Nguyễn Trí hấp dẫn người đọc bởi rất đời và tràn đầy cảm hứng nhân văn qua các tập truyện ngắn. Cảm hứng là “tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm nghệ thuật, gắn liền với một tư tưởng xác định, một sự đánh giá nhất định, gây tác động đến cảm xúc của những người tiếp nhận tác phẩm” (Lê & cs., 2010, tr. 44-45). Phương & cs. (2002, tr. 307) cũng cho rằng: “Cảm hứng, theo tiếng Hy Lạp là “pathos”, thể hiện một tình cảm sâu sắc nồng nàn, một trạng thái phấn hưng cao độ về tư duy”. Có truyện Nguyễn Trí khiến người đọc rung rung, nghẹn ngào trước nhiều mảnh đời nghèo khổ éo le. Có truyện ông khiến người đọc cảm phần bởi sự cảm dỗ của đồng tiền, ma túy. Có truyện ông khiến lòng người ta chùng xuống, trầm ngâm suy nghĩ về cuộc đời, về cái chết, về sự tử tế và cả sự bao dung giữa người với người. Cái quan trọng là “cảm xúc nhân văn tràn đầy ở người viết

biên cái thông thường thành cảm xúc chung lớn lao” (Nguyễn, 2014b, tr. 6).

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp để chỉ ra cảm hứng nhân văn cùng một vài đặc sắc nghệ thuật trong truyện ngắn Nguyễn Trí.

2. Nội dung

2.1. Sự mẫn cảm và xót xa trước những số phận bất hạnh

Trải qua nhiều trầm luân và cay đắng, Nguyễn Trí đã trút cạn lòng mình vào từng con chữ ngồn ngộn đời và đầy mùi nếm trái. Nhân vật của ông hiện ra với nhiều hoàn cảnh khác nhau tựu trung đều đau khổ và bất hạnh. Thế giới đó có đủ hạng người xuất thân từ nhiều nghề khác nhau như: giang hồ hảo hán gác kiếm, gái ăn sương, kẻ tứ cố vô thân, công nhân, đồ tể, đãi vàng, khai thác đá quý, trầm hương, chặt củi đốt than, nấu đường, dạy tiếng Anh, chạy xe ôm... Có thể nói, họ là tập hợp những người khổ cực nhất gầm trời, số phận của họ hiện lên chân thật trong các tập truyện ngắn *Bãi vàng đá quý trầm hương, Đồ Tể, Áo và sợ, Ngụy, Khùng, Mạt cưa - rượu trắng - đường vàng, Ma bùn - lưu manh và những truyện khác của Nguyễn Trí, Áo và sợ...*

Trong *Bãi vàng* là hình ảnh của Thành Bụi - dân giang hồ đúng nghĩa - đẹp trai, giỏi võ lại thêm tài hoa về ngón đàn và giọng hát. Thành đi tù ba năm vì tội cờ bạc, sau khi mãn hạn tiếp tục lừa đảo, dụ dỗ bà con chơi bài trên xe khách đường dài, Thành bị bắt. Ra tù lần thứ hai, Thành tìm một công việc để làm, ban đầu làm trầm hương nhưng không ổn, anh nhảy qua đào vàng. Những người lang bạt mưu sinh như Thành chấp nhận đánh đổi mạng sống khi cái chết rình rập chung quanh vì: “Ở bãi vàng phải xuống hầm, phải rờng rã thâu đêm suốt sáng ăn thua đủ với thần chết. Thần chết ở khắp mọi nơi, sốt rét, sập hầm, đứt dây lên xuống và nghìn thứ vân vân” (Nguyễn, 2014a, tr. 24). Bằng sự mẫn cảm của một nhà văn, Nguyễn Trí cho thấy khoảng trống trong tâm hồn của Thành trước nỗi đau mất mẹ và bị tình phụ. Thành cứ đứng đưng, lạnh lùng và mặc kệ đời. Thành còn gì ngoài: “nhắm nháp nổi cô đơn, sau mỗi cơn say lúc nửa đêm về sáng. Để chạy trốn mình” (Nguyễn, 2014a, tr. 34). Vì vậy, đến bãi nào Thành cũng có một tình nương để khóa lấp cô đơn: “Tình của Thành, thường là một đêm đẹp bị bi kịch. Chông bỏ. Tình phụ. Có tí vốn liếng lên bãi mở quán bán com.

Loại quán này rất dễ bị giang hồ quậy quọ. Đàn anh đến chơi chủ quán chẳng dám tính tiền. Nhờ bảo kê có mà chết sớm. Đã chung chi, ung lên nó đòi ngủ với bà chủ là khôn. Đành chấp nhận, ai có xin đòi phá thì lạy lục van xin, cầu thì quý gói. Chọn một thằng để gửi thân ư? Biết thằng nào? Như chồng cũ, như tình xưa thì bỏ mẹ cả đời, em dang dở rồi nên thận trọng cũng phải thôi. Thành đến những quán như vậy, suy tư và yên lặng ngắm nhìn đêm đẹp” (Nguyễn, 2014a, tr. 28-29). Lần này là Dung, cô gái lang bạt đến bãi do chồng nghiện rượu, đánh đập khi xỉ say, mẹ chồng mê tử sắc để con Dung chết đuối... Thành và Dung đã trải qua bất hạnh với những nỗi niềm riêng, song đều là mất mát. Thăm sâu trong họ là khoảng trống cô đơn giữa cuộc đời nghèo khổ. Họ thêm được yêu thương, được đồng cảm và được chia sẻ. Trước sự chân thành của Dung, Thành bị cái từng trái ngăn lại và tự nhận mình: “khôn kiếp khi sòng phẳng với kẻ yêu và đặt niềm tin vào mình. Sòng phẳng luôn lạnh lẽo” (Nguyễn, 2014a, tr. 33). Rời bãi về phố mười ngày chán ngán, Thành trở về bãi. Nước mắt của Dung chảy thành dòng khi gặp lại người yêu giúp người đọc có quyền hy vọng, sự trở về này của Thành sẽ thôi bất trắc, cuộc đời sẽ khác đi bởi: “Chỉ có hai thứ lỗi họ về là trái tim người mẹ và đôi mắt người tình” (Nguyễn, 2014a, tr. 34). Tình yêu cho anh vịn vào để bắt đầu sống một cuộc đời khác.

Trong *Giã từ vàng* cuộc đời Minh Tàn hiện ra cũng tàn tạ như cái tên. Nếu như Thành Bụi trong Bãi vàng muốn trở về nhà nhưng người mẹ của anh không còn sống thì Minh Tàn là người từ bỏ gia đình đi bụi năm mười lăm tuổi. Làm dân bụi đời, không nơi ăn chốn ở, do chút tự ái khi bị cha nghi ngờ lấy trộm mười nghìn đồng. Một mình lang bạt vào Nam, ở lại Sài Gòn rồi lên kinh tế mới dân lập, nghe đồn trâm đi trâm, đá quý đi đá quý, có vàng đi vàng. Cuộc sống lẩn lộn, tranh giành ở bãi gặp không ít dân giang hồ, du côn nếu thắng thì “làm cha bãi”, nếu thua thì “suốt đời làm loong toong”. Chưa kể những nguy hiểm rình rập, sự sống và cái chết cách nhau trong gang tấc bởi sập hầm và sốt rét rừng. Trong một lần dính sốt rét rừng, thấy rõ nỗi lòng nhớ nhà của kẻ tử cô vô thân xuôi theo dòng đời đưa đẩy. Minh Tàn nhớ nhà trong nỗi nghiền ngẫm, xót xa: “Tôi nằm nghe buồn và bệnh xâu xé hồn lẫn xác. Những lúc như lúc này. Sao mà nhớ quá những ngày còn với gia đình. Cả tôi, là tổng mười ba người, mà giờ đây một mình trong ma thiêng nước độc. Là may mắn hay bất

hạnh? Chén cháo My nấu làm tôi nhớ những ngày xưa, và đôi mắt má tôi đen láy hiện ra. Nhiều năm sau ngày ra đi, bị vùi dập bởi đời, tôi hiểu má tôi thương con, bà đã mạo hiểm cấp của chồng cho đưa con lính tráng, vì không biết nó sẽ phơi thây ngoài chiến địa lúc nào. Còn tôi, vì vậy mà ra đi. Tôi dại quá. Biết sao mà quay lại hả trời?” (Nguyễn, 2014a, tr. 69). Cái chết vì vàng hiện ra trước mắt Minh Tàn, một gã đào vàng ở bãi hầm Cây Sao bị sập taluy. Minh Tàn cũng liêu minh xuống cái hầm sâu mười mét đã sập để lôi cái xác lên. Có lẽ nỗi nhớ về mẹ mà Minh Tàn không cảm lòng được trước hình ảnh người mẹ, người vợ đang khóc lóc và lạy xin anh giúp đỡ. Dù là dân giang hồ tứ chiếng nhưng chính nghĩa cử của Minh Tàn gợi mở cái nhìn khác, họ là những người tốt bụng, nghĩa hiệp và dũng cảm.

Trong *Trâm hương* là hành trình đi “đi” nhiều hiểm nguy của bốn người bạn Phi Long, Dũng Đen, Ba Thủy và Ngọc: “Đi đi tức là đi để đối diện với sự chết, sống sót được là mạng lớn lắm, có trâm để làm giàu là nhị thập bát tú chuyển thế đầu thai” (Nguyễn Trí, 2014a, tr. 133). Bởi vì hoàn cảnh mưu sinh nên họ phải liêu minh nơi rừng thiêng nước độc, chưa kể việc bỏ mạng giữa đường. Nếu may mắn tìm được trâm khi trở về, họ tiếp tục đối mặt với bọn lục lâm thảo khấu. Cái chết giữa đường của Phi Long đã cho thấy hành trình mưu sinh, bươn chải của những phận người bất hạnh: “Bên cạnh là một con hổ mang bành bành đang phùng mang, cái đầu lác lư nghênh chiến (...). Cả ba lật xác đồng đội lên. Thằng bốn đưa con gái, vợ đang mang bầu đứa thứ năm đã chết. Các võ sĩ nâng kẻ tử nạn lên, đặt bên gốc dó. Sáu cánh tay ôm lấy ba cái đầu. Rõng không và trời ơi!... Trời ơi!” (Nguyễn, 2014a, tr.149). Phi Long đã mãi mãi nằm lại rừng bỏ lại vợ và năm đứa con thơ, thấy nghịch cảnh mà lòng người không khỏi xót xa: “Phi Long yên vị trong cỗ áo quan đó. Trên đầu dưới chân được đóng lại bằng hai miếng gỗ dó đeo bằng. Hương trâm nguyên thủy được đốt lên, mùi thơm ngào ngạt toả khắp rừng thiêng. Một đám tang buồn và lặng lẽ, có giọt nước mắt nào không? Có chứ, nhưng nó đầy áp trong trái tim của ba người còn lại” (Nguyễn, 2014a, tr. 150). Số phận con người nhỏ bé, mong manh trước cuộc bươn chải, mưu sinh luôn chứa đầy hiểm nguy và nghịch cảnh.

Sự mất cảm và xót xa của nhà văn Nguyễn Trí không chỉ viết về nghịch cảnh, nghĩa cử của các tay

giang hồ, ông còn viết về những mảnh đời lao động nhọc nhằn, những con người bình thường, hiền lành, làm ăn tử tế nhưng tai ương, bất trắc xảy đến như một câu chuyện đùa lúc trà dư tửu hậu.

Trong *Những hành trình đơn độc* nhà văn kể về Đường, anh là phụ hồ đẹp trai không gái gú, bù khú nhậu nhẹt. Anh là dân tha phương theo công ty xây dựng đi từ Lạng Sơn đến Cà Mau với hy vọng tìm được em gái. Đường sớm nghỉ học phụ cha mẹ kiếm tiền nuôi Đi đến trường, cả nhà đủ ăn đủ mặc thêm nữa cha mẹ Đường chịu thương chịu khó cấy hái thuê. Một hôm, Đi đến trường và không về. Sự mất tích của con gái khiến má của Đường đổ bệnh rồi chết. Ba của Đường nghĩ quần uống thuốc trừ sâu. Cả một gia đình đang hạnh phúc bỗng chốc tang thương đến nghệt ngã. Đi bị Chín Bông dụ dỗ: “rủ ra thị xã rửa chén cho quán ăn, kiếm tiền cho niên học mới. Ai ngờ cô bị đưa đến nhà anh rể của mẹ. Thằng già dịch biến thái đã phá hoại đời con gái của cô. Cô bị làm nô lệ tình cho hẳn suốt một tháng. Sau đó mẹ Bông đẩy cô ra biên giới và cô bắt đầu đời lưu lạc” (Nguyễn, 2017a, tr. 174). Ngày tương phùng nghe được tâm sự của em gái, Đường đã đâm chết Chín Bông. Niềm vui mừng gặp nhau sau sáu năm ròng rã lưu lạc thì anh em Đường phải tiếp tục khóc thương chia ly...

Chuyện của Vinh Trố, Hương trong *Những kẻ không có thiên đường* bi đát không kém. Đúng như nhan đề, họ đều không có hạnh phúc. Hoặc đến lúc cảm nhận được hạnh phúc thì quá muộn màng. Cao xanh cố tình tạo ra lăm cảnh đoạn trường. Chồng Hương là sĩ quan chế độ cũ, vượt biên bỏ lại vợ con rồi bật vô âm tín. Lúc con bệnh không chạy tiền nên Hương bán thân, lần đầu tiên gặp ngay Vinh Trố ở rừng về. Anh đã giúp Hương một số tiền để chữa bệnh cho con. Hương nghĩ chồng đã chết ngoài biển, Vinh Trố đang chán đời nên họ nhanh chóng tìm gặp sự đồng điệu và thành vợ thành chồng. Đột nhiên chồng Hương trở về Việt Nam, lo thủ tục để vợ con xuất cảnh. Vinh biết mình là người thừa, trốn tránh bằng việc lên rừng ngậm ngải tìm trầm suốt hai tháng. Lúc này Hương lại có mang đứa con của anh. Đứa bé được sinh ra và chừng sáu tháng tuổi thì Hương sang Mỹ, bỏ lại cho bà má nuôi. Ít lâu sau, má cô chết, Vinh già trống nuôi con.

Đời cũng thật trớ trêu, khi đoàn tụ thì hai người ly thân do chồng cô phát hiện chuyện cô có con với

người khác. Sau một thời gian ly thân, cả hai buộc phải ra tòa ly hôn vì Dũng có vợ khác. Hương quyết định trở về nước thăm con khi đủ tiền, cô lao vào buôn chải kiếm tiền. Lúc này Hương nhận ra: “Thực ra Hương thăm thiết yêu Vinh. Sự chân thành của anh khi dìu cô qua gian khó để lại dấu ấn rõ nét, thêm cái nhỏ nhoi và chỉ biết mình một cách ích kỷ của người chồng đã làm cho cô yêu Vinh hơn” (Nguyễn, 2017b, tr. 115-116). Năm năm sau, cô về thăm lại quê hương. Vinh hẹn sẽ chờ đợi Hương về, thêm năm năm nữa. Và đến lúc Hương trở về thì Vinh đã chết trong nỗi đợi chờ do ngày nào cũng nốc rượu để quên cô đơn.

Trong *Người điên không biết nhớ* là câu chuyện đau lòng mất đi đứa con thân yêu của người mẹ tội nghiệp. Bầy Rẻ bị tình phụ khi mang thai, Bầy và mẹ nương tựa vào nhau sống lây lất qua ngày: “Nghề nghiệp chính của hai mẹ con là gói bánh tét, bánh ú bỏ mối cho mấy quán bình dân. Gói bánh xong, Bầy cũng đi bán dạo về. Mẹ con lại lóc cóc xe đạp vô lô cao su kiếm ba cành củi rụng, hoặc một cây cao su bị gió thổi đổ đem về làm cái chất đốt” (Nguyễn, 2014b, tr. 265). Thời gian trôi nhanh, Mạnh Bảo lớn lên, là một đứa trẻ thông minh, học giỏi, lễ phép và hiểu chuyện. Mười hai tuổi đã biết phụ giúp bà và mẹ với nghề leo dứa mướn hết vườn này sang vườn khác trong xóm. Cái nghèo luôn gắn liền với bất trắc và bi kịch ập đến ngay ngày tốt nghiệp lớp chín, niềm vui chưa qua thì Mạnh Bảo chết trong lúc hái dứa. Nguyên nhân do con bà chủ vườn đi nhậu về phóng xe bạt mạng: “Chỗ gác chân chiếc tay ga vướng sợi dây Bảo đang tòng teng ở bụng. Thằng lái xe có rượu đầu hay biết gì đâu, sợi dây bị lòi đi và Bảo rơi tự do trên cây dứa cao cả chục mét xuống đất. Mạnh Bảo chết tức khắc” (Nguyễn, 2014b, tr. 268). Bầy Rẻ không còn nhận ra ai nữa, ngồi dưới gốc dứa nhìn vào chỗ con nằm vừa khóc, vừa cười, vừa lảm nhảm... Nhìn hoàn cảnh không khỏi xót xa cho những con người sống lương thiện, hiền lành. Trong cuộc sống, không ai lường trước được điều gì, chỉ thấy số phận con người mỏng manh và bất hạnh như Bầy Rẻ, như Mạnh Bảo.

Đặc biệt, truyện ngắn Nguyễn Trí còn thể hiện nỗi xót xa trước thân phận của người phụ nữ. Cuộc đời họ là chuỗi bi kịch đau thương nối tiếp đau thương. Sự nhẹ dạ, cả tin trước cám dỗ, lừa dối của cuộc đời ô trọc đẩy họ đến bước đường cùng. Ở họ vẫn khát khao hạnh phúc, tình yêu chân thành dù cho có lắm

đường, lỡ bước. Với cái nhìn đa chiều, Nguyễn Trí cho thấy thân phận người phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi, đau khổ từ nhiều khía cạnh khác nhau nhưng tựu trung do nghèo đói và thất học.

Là Diệp khi dính vào ma túy trong *Trại viên cũ quay lại đông lắm*. Diệp bị người yêu phản bội, cô bỏ học trung cấp kế toán để xin vào khu công nghiệp làm công nhân: “Cô từ giã xóm chắt cà đao, cùng Hạc lên xe phóng thẳng đến khu công nghiệp với cái xách toong teng trên vai đựng vài bộ đồ và bộ hồ sơ xin việc” (Nguyễn, 2014a, tr. 293). Nhờ có nhan sắc cô được phó tổng để mắt, cùng lúc thằng con chủ nhà trọ cũng để ý. Trong một lần thấy Diệp đi trên xe phó tổng, Hưng ngứa mắt nổi cơn ghen tuông tìm cách hạ đôi thủ. Ngồi sau xe phân khối lớn, Hưng đạp phó tổng ngã chúi. Sau trận đó phó tổng bị chân thương sọ não, bị liệt hai chân. Diệp bị lôi ra bằng cấp giả, bị sa thải. Cô lấy con chủ trọ và bị dụ dỗ vào con đường nghiện ngập. Chồng Diệp bị bắt vì tội phân phối thuốc lắc và hàng trắng bị kêu án mười lăm năm, bên chồng đuổi cô ra khỏi nhà. Diệp bơ vơ, cô bán tất cả những gì cô có để được hút và sau cùng không còn gì để bán thì cô bán cả thân. Diệp bị bắt, đến Trung tâm phục hồi nhân phẩm và cô chích luôn tại đây. Rồi cô được đưa đi cai nghiện hai mươi bốn tháng, cô ra trại nhưng không biết về đâu...

Cuộc đời của Chi trong *Chi quyết định* đau khổ không kém Diệp. Cô bị tình phụ bởi vì tiền, cô nghĩ quân: “Trong cơn thất vọng đến nỗi nùng, Chi chơi cả ba mươi viên thuốc ho loại thảo dược. Thuốc ho nào chả có chất gây mê, có ngủ mới ngưng ho được chứ. Vậy là Chi ngủ, gia đình tức tốc đưa cô đến bệnh viện” (Nguyễn, 2014b, tr. 246). Sau lần muốn chết nhưng bất thành, Chi rời quê lên khu công nghiệp xin làm công nhân thì gặp Phú - sếp lớn - vừa đẹp trai, lịch lãm lại sẵn đón Chi, nên cô đồng ý quen dù biết ở xứ Đài, Phú có vợ con đẻ huê. Chi mặc kệ và chấp nhận bởi vì cô cần chia sẻ những lúc cô đơn, nhất là: “Và tiền nữa, để xua đi tối tăm ảm thấp. Đồng trang phải lừa và đồng ngôn ngữ không làm cô tin tưởng. Ai cũng chạy đua với đời sống, không ai không hẳn những lo âu trên gìa nua khắc khổ, mắt ai cũng ngóng về quê nhà với u ất buồn...” (Nguyễn, 2014b, tr. 249). Một lần tình cờ nghe người trong xóm trọ nói chuyện, họ cười chê khinh rẻ cô làm nhục quốc thể, cô chỉ là một thứ rẻ mạt. Chi rùng mình và choáng váng: “Nước mắt cô rờn rờn chạy. Tâm tức rồi nức nở.

Chao! Họ xem cô không đáng một gái đứng đường” (Nguyễn, 2014b, tr. 254).

Là số phận của Phụng trong *Nín lặng khóc*, người phụ nữ vừa mới bốn mươi đang độ hồi xuân còn chồng là tay nghiện rượu, không thiết tha gì chuyện vợ chồng. Sau một ngày tất bật lo việc gia đình, địa tô, giữ cháu nội, lo cháu ngoại đến khuya là Phụng nghe cô đơn chạy dọc trong người: “Phụng lăn qua trở lại đến ba giờ thì vùng dậy xách đèn pin đi bộ đến địa tô. Than ôi... Phụng thấy chồng nằm còng queo trên giường như con tôm, lại còn tè dầm ướt cả quần đùi, mùi nước tiểu sục lên làm bao nhiêu ham muốn ái ân trong Phụng vụt biến mất” (Nguyễn, 2014a, tr. 257). Bị kịch bắt đầu khi Phụng kêu đám thợ hồ tới sửa miệng thoát nước địa. Gặp Hùng Nheo, Phụng không thể giấu nổi rạo rục của người đàn bà khao khát tình, Hùng Nheo thường xuyên xuất hiện trong giấc mơ của cô: “Trong giấc mơ chập chờn, thằng cường tráng phủ ngập giấc mơ Phụng. Nó lớn và mệnh mông đến nổi sáng trưa chiều không lúc nào Nheo không hiện diện trong tâm hồn Phụng” (Nguyễn, 2014a, tr. 259). Và chuyện gì đến cũng đến, lý trí của người đàn bà bốn mươi không thắng nổi ham muốn: “Người đàn bà bốn mươi đang khao khát một vòng ôm. Lực lưỡng bé thóc người đàn bà sải bước vào trong lô bạch đàn. Hùng dư sức làm cho biển động. Biển động một lần và động thêm lần nữa” (Nguyễn, 2014a, tr. 261). Trò ăn vụng nó hấp dẫn vô song, rất thích thú nhưng không bao giờ thỏa. Phụng bị con ma tình ám muội không làm chủ được mình. Chỉ một tin nhắn là Phụng đi theo tiếng gọi: “Thằng tình trẻ cũng khôn khéo đưa Phụng đến những nhà nghỉ thật xa. Táo bạo lắm, nó thừa sức làm Phụng đắm Phụng say. Cô siết chặt người tình, biết đây là ảo ảnh, biết là sẽ mất nên mỗi lần bên nó là cô thả mình chìm vào sự tuyệt diệu của thú yêu thương. Để rồi sau đó sợi hãi từng phút giây” (Nguyễn, 2014a, tr. 262). Sự căm giận, nhẹ dạ của Phụng đã gây nên một tình huống trở trêu là con rể Phụng - Hậu - tương vợ ngoại tình nên đâm chết Hùng Nheo. Hậu bị bắt khiến Phụng thờ phào khi bí mật sẽ được che giấu mãi mãi. Ai có ngờ đâu, sáng hôm sau chồng Phụng chết dưới địa do ban đêm trượt chân trong lúc có rượu. Phụng khóc cho số phận mình: “Phụng đỏ au hai con mắt, nín lặng khóc, không tu tu hức hức như mấy đứa con. Phụng khóc cho ai? Chồng hay tình nhân? Khóc cho con gái, cho con rể, hay khóc cho mình?” (Nguyễn, 2014a, tr. 266).

Là Linh trong *Chả có gì là bất thường*, một cô gái đẹp nhưng trải qua nhiều đoạn trường và sau cùng là trở về cát bụi. Cha của Linh làm nghề thợ hồ có tật nghiện rượu, một hôm trên đường về do quá chén tự tông vào xe tải và chết. Mẹ đi mò cua bắt ốc bị rắn hổ vện cắn chết. Đến Đạt, người chồng thứ nhất chết vì ngộ độc rượu. Hùng người chồng thứ hai lại chết vì xe công-ten-nơ nổ vỡ, lạc tay lái đâm nguyên xe vào xe của Hùng... Thầy Nam tu hành trong Tịnh xá Liên Hoa mê Linh bị đánh ghen tới chết. Và sau cùng Linh chết vì bị Hiếu - người chồng thứ ba - ném ly trúng đầu do ghen tuông: “Và một hôm kia, khi đang ân ái, trong mê say Linh bật ra tiếng thống thiết gọi tên tình xưa. Lần một, lần hai, rồi lần ba...” (Nguyễn, 2014b, tr. 69). Linh bỏ lại ba đứa con nhỏ với ba người chồng khác nhau, chúng được nhà bên nội nhận nhìn và đón về chăm sóc. Ba anh em tan đàn xẻ nghé, đến khi gặp lại chẳng biết có còn nhận ra nhau: “Tất nhiên bây trẻ về cái chốn đích thực của chúng. Và màu sắc cuộc đời mới âm đậm làm sao” (Nguyễn, 2014b, tr. 68). Cảnh chia ly của những đứa trẻ khiến người đọc không khỏi chạnh lòng, xót xa.

Thế giới nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Trí giúp người đọc thấm thía hơn số phận bất hạnh của tay giang hồ hảo hán, anh phụ hồ, gái ăn sương, công nhân ở khu công nghiệp... Cuộc đời của họ bị va đập trước nghiệt ngã, bất trắc và tính mạng con người trở nên nhỏ bé mong manh như hạt bụi. Tất cả đều được Nguyễn Trí lột tả một cách chân thực bằng sự mẫn cảm của một trái tim nghệ sĩ, bằng chất liệu hiện thực mà ông từng trải. Qua đó, thấy được sự cảm thông, xót xa của ông trước những thân phận người đau khổ vừa đáng trách nhưng cũng vừa đáng thương.

2.2. Trân quý vẻ đẹp tâm hồn và khát vọng sống lương thiện

Sự thể hiện con người trong văn học gắn liền với cá tính sáng tạo của nhà văn. Truyện ngắn của Nguyễn Trí khắc họa được vẻ đẹp tâm hồn, nghĩa cử của những con người có bề ngoài xù xì, gai góc, bụi bặm nhưng bên trong ấm áp, vị tha và lương thiện.

Như có lần nhà văn chia sẻ trong *Cảm ơn nhân vật của tôi (Thay lời nói đầu)*: “Tuy đã có những tháng ngày chìm trong ngõ tối, thoát nhìn cứ ngỡ họ đã bán đời mình cho quỷ dữ, không thiết tha gì với cuộc sống, đang trôi và rời hoàn toàn xuống vũng lầy tuyệt vọng. (...) Tuy nhiên trong họ vẫn còn sắc màu của lòng lương thiện và một ước mơ đến cháy bỏng là muốn trở thành người đàng hoàng”.

Truyện ngắn nào cũng gợi cảm giác kiếp người bất trắc, mong manh nhưng vẫn ánh lên vẻ đẹp của tình người, tình yêu và tình yêu thương của cha mẹ. Truyện *Ở thành phố* viết nên bản tình ca cuộc sống âm áp giữa những con người xa lạ, nghĩa cử hào hiệp của ông già Hưng chạy xe ôm khi đỡ đòn cho cô vũ nữ Trâm: “Nghe hai từ rạch mặt, ông Hưng hình dung ra gương mặt của Hạnh, hoảng quá, ông bước ngang che cho cô gái và xô thẳng cô hôn. Lừ lừ, nó rút từ sau lưng cặp nhị khúc quay nghe vù vù. Rồi nó thẳng cánh tay” (Nguyễn, 2014a, tr. 318-319). Một khát vọng chân chính làm lại cuộc đời của Trâm khi được đưa vào trại phục hồi nhân phẩm: “Nhưng nay cô tin yêu rồi, bởi có người vì cô mà thí mạng” (Nguyễn, 2014a, tr. 320). Là ước mơ giản dị của Quyên, muốn về quê có một xe nước mía, thêm xe bánh mì cuộc sống ung dung nhẹ nhàng được ở bên cạnh con gái... Là sự tin tưởng của Trâm dành cho Quyên dù Quyên lấy đi số tiền mà Trâm dự tính cho ông già Hưng, Trâm tin rằng khi làm ăn được Quyên sẽ không quên những người như già Hưng và Trâm. Là sự vị tha khi già Hưng không hề buồn giận mà luôn tin tưởng và hy vọng, Quyên sẽ làm lại cuộc đời. Nghĩa cử của những người xa lạ dành cho nhau còn thể hiện trong giới giang hồ như *Giã từ vàng*, Minh Tàn không sợ nguy hiểm mà dũng cảm khi kéo cái xác chết do bị sập hầm lên. Hoặc Thu Râu trong *Đá quý*, sẵn sàng cho Sinh Trọc mượn tiền trả nợ mà không cần điều kiện gì cả.

Truyện ngắn Nguyễn Trí không có diễm tình lãng mạn, tình yêu là sự gắn bó, tin tưởng và lặng lẽ chia sẻ khó khăn cùng nhau. Không có hoang tử và công chúa long lanh trong truyện cổ tích, chỉ là những con người đời thường. Đôi khi họ khiếm khuyết về cơ thể nhưng tâm hồn cao thượng và đáng trân trọng. Tình yêu nơi họ ánh lên phép màu và là hiện thân của cái đẹp, cứu rỗi những niềm tuyệt vọng.

Tình yêu của anh chàng đẹp trai chơi bóng chuyền giỏi và cô tiểu thư con sĩ quan chế độ cũ trong *Đỏ Tể*. Họ đến với nhau cùng vượt qua khó khăn bằng việc lựa chọn sống trong thiếu thốn vật chất là một minh chứng cho tình yêu đẹp: “Đó là một đêm tương đối gọi là bi thiết trong đời vợ chồng Châu. Mưa. Cha mẹ ơi. Mưa và gió nữa mới khủng khiếp (...) Nhà kín mít mà gió còn luồn vô hành hạ gia chủ nói chi thông thống như cái chòi Châu ngụ. Hai vợ chồng phải lấy đệm che cho ba đứa con. Gió hướng nào họ che hướng đó. Ba đứa con say ngủ

đến độ không biết mưa và gió đi qua. Sau cơn mưa Châu ôm vợ vào lòng, cả hai cùng cảm nhận sâu thật sâu, sắc thật sắc tình yêu của họ” (Nguyễn, 2014b, tr. 19). Châu bị oan trong việc ở trên giường của vợ Thủy, tuy nhiên vợ Châu một mực tin tưởng chồng. Điều này cho thấy cái nhìn đầy trân trọng của nhà văn dành cho nhân vật của mình, họ là những hình mẫu lý tưởng, bởi vì cuộc sống này cần lắm niềm tin dành cho nhau. Trong *Thiên sứ* là một tình yêu vị tha và cao thượng. Tỉnh lùn là chàng trai kém về ngoại hình, anh cao chỉ có một mét lẻ tám phân. Công việc của Tỉnh là ngồi ở công viên tìm hoa cho khách và giới thiệu khách cho hoa. Anh yêu Lan, lo lắng cho cô, sợ cô mang tiếng là gái ăn sương nên Tỉnh lùn đánh với kẻ mét sáu đòi giới thiệu cô cho hắn. Rồi Tỉnh bán cả máu để gom đủ số tiền một triệu cho Lan khi con cô nhập viện, do không chạy được tiền nên Lan có ý định bán thân. Tỉnh lùn lặng lẽ nhìn Lan trở về với chồng, vì cô không thể để con không cha. Tỉnh lùn vẫn ngồi ở công viên: “Ở đó có một người dị dạng, ngồi lặng yên buồn bã dưới một gốc dâu” (Nguyễn, 2014b, tr. 376). Trong *Có biết không* lại mang một sắc màu vị tha khôn xiết giữa Mi và Dũng. Mi yêu Hào và trao cho anh tất cả, nhưng vì câu “môn đăng hộ đối”, Hào đã phụ tình người yêu để lấy con gái một chủ tiệm vàng giàu có khi Mi đã có mang con của Hào. Nhưng chính lúc bế tắc nhất, tình yêu của Dũng đã kéo Mi ra khỏi tuyệt vọng: “Dũng đi làm về nựng con và hôn vợ.

Anh có biết không?

Có.

Biết gì?

Biết là vợ sợ mình đau lòng nên không dám nói thật” (Nguyễn, 2014a, tr. 251).

Tình yêu của họ luôn có điểm chung là hướng con người đến điều tốt đẹp, bỏ qua lỗi lầm hoặc vì nhau nương tựa vì nhau mà cố gắng vun vén cho gia đình dù khó nghèo và khổ cực.

Tình cảm gia đình được nhà văn tái hiện từ chất liệu thực tế khi vật chất đang lên ngôi nhưng khẳng định giá trị muôn thuở: “Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”. Với *Gió của đại ngàn*, qua câu chuyện gia đình của lão Hưng thấy được tình thương của đấng sinh thành vô cùng bao la, rộng lớn. Lão Hưng có ba người con trai đều là thợ hồ nổi nghiệp ông. Nhà nghèo, khó khăn nên sáu người chen chúc trong nhà ba gian hai chái. Một

chái hai vợ chồng già và đứa con gái, một gian thì vợ chồng Hùng - con trai lớn ở, gian còn lại cho thằng Hà, che thêm một gian nữa để cho vợ chồng thằng Hà. Cả ba đứa con trai của ông Hưng luôn xem ông là gánh nặng và mong ông chết để chia phần. Đứa nào cũng có lý do than nghèo kẻ khổ: “Thằng nói tháng này làm bao nhiêu cũng không đủ tiền thuốc cho hai mẹ con nó. Thằng thì ba má không thấy tui làm bữa đực bữa cái hay sao? Thằng Út Hà nói má vợ tui bị đau nên vợ tui...” (Nguyễn, 2019, tr. 7). Lão Hưng bệnh xương khớp hành hạ những khi trời gió trở trời, ông trở nên cô đơn hơn khi vợ ông mất. Lại thêm bệnh ho, mỗi khi trời trở lạnh ho khùng khục nhưng các con lão cũng không mấy quan tâm. Cũng may còn có nhỏ Út Hồng nó đi làm có chút đỉnh tiền, dúi vào tay cha mỗi sáng hai chục ngàn để cà phê, ăn xôi... Đến khi ông trúng số thì các con bối rối, bởi vì “Cha mẹ nuôi con như biển hồ lai láng, con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày”. Lão Hưng quyết định xây bốn căn nhà trên mảnh đất năm trăm mét vuông. Nghĩa là vẫn có cái sân một trăm mét cho cháu nội lão vui chơi giải trí. Cho mỗi đứa một ít để làm vốn kiếm sống” (Nguyễn, 2019, tr.15). Tình thương của cha bao la như gió đại ngàn lồng lộng. Trong *Nước mắt khô* là tình cảm gia đình, máu mủ ruột rà có thể xoa dịu, chữa lành những vết thương. Chồng Năm Râu chết, nhìn vào hoàn cảnh của bà ai cũng thương đứt ruột: “Hai đứa con tù tội, một đứa con gái sống với chị trong quan hệ đồng tính, đứa khác bỏ nhà theo trai nay tới chồng” (Nguyễn, 2017b, tr. 70). Bà trở nên điên loạn, tóc tai xơ tung: “không một mảnh vải che thân đang nghe nghe vừa đi vừa cười, tay vung lên như múa” (Nguyễn, 2017b, tr. 71). Phương, Lý, Phúc cả ba đứa sừng sốt và chết lặng trước hình ảnh đó: “Không biết cả ba chết trong bao lâu, rồi không rõ vì một động cơ nào? Một kỳ bí nào đó trong tình thâm máu mủ cả ba rượt theo mẹ” (Nguyễn, 2017b, tr. 72). Ba chị em đưa bà má về nhà. Phương đã ngưng chơi bài, Phúc chăm chỉ đi làm, còn tính toán đi thăm anh ở trong tù, cuối tuần có lương lại đưa cho má. Chính sự thay đổi của các con đã giúp bà Năm nhanh chóng vượt qua cú sốc, trở lại bình thường khi thấy các con sống chung mái nhà. Tình cảm gia đình luôn là nơi nương tựa, nâng đỡ tâm hồn con người vượt qua biến cố hướng đến những niềm hy vọng mới.

Khát vọng đời thường giản dị được Nguyễn Trí nhắc đến trong các truyện ngắn như: *Trên đồi*

đất đỏ, Mùa xuân ở trên cao, Ở đâu tết cũng vui... Trình trong *Trên đồi đất đỏ*, mấy ngày tết phải xa nhà lên bãi coi hàng hóa cho Út Bình với giá: “hai chục ký gạo, năm đòn bánh tét, can rượu mười lít. Bánh trái đủ cho một cái tết. Có cả một cây thuốc rê một ký rươi loại lá vàng nhỏ hảnh hoi. Thêm khoản tiền mà vợ con Trình tạm qua một cái tết tương đối gọi là” (Nguyễn, 2016a, tr. 175). Những mười hai ngày đêm ở bãi, chiêm lấy tâm hồn anh là sự cô đơn. Anh cũng muốn như bao người được đón tết sum vầy bên gia đình. Hoàn cảnh một vợ ba con và gia cảnh nghèo túng buộc người ta chấp nhận: “Tết của gia đình Trình buồn đến nát ruột nát gan. Làm sao mà không nát khi chả có chi kể cả gạo trong ba ngày tết” (Nguyễn, 2016a, tr. 174). Thực lòng, Trình cũng buồn, nghe lòng chùng xuống. Anh nhớ nhà, tiếng vợ con và tiếng thị thành. Trình tìm đến rượu nhưng càng sâu, anh nghe mình thật sự đơn côi. Trình nào lòng muốn khóc: “Anh vẫn lặng yên lắng nghe... nhưng rõ nhất là tiếng của lòng anh. Nó thổn thức rồi nức nở. Nhưng Trình đâu có khóc” (Nguyễn, 2016a, tr. 185). Còn trong *Ở đâu tết cũng vui*, ông Tuấn hồi trẻ bị đi tù oan do bạn trộm cái đầu máy may, mượn tay ông Tuấn đi bán. Tuấn bị bắt do tình ngay lý gian, đi cải tạo hết ba năm bốn tháng mười hai ngày. Ở đây, vợ ông là bà Phú lúc đó: “Cô Phú mới gặp đã đem lòng cảm mến anh trai tù tội bởi hàm oan. Hạnh ngộ chưa đến một buổi mà cô bị sét ái tình đánh trí mạng” (Nguyễn, 2019, tr. 53). Năm đó ông Tuấn được thăm tù bốn lần: “Đến nước đó thì đá còn chảy nước nói gì Tuấn. Và mùa tết ấy tuy trong lao cải nhưng Tuấn thấy trời cao hơn và xanh hơn” (Nguyễn, 2019, tr. 53). Không ai nghĩ ở nơi đây tình yêu có thể nảy mầm và nở hoa. Hay trong *Mùa xuân ở trên cao*, Hưng kinh doanh buôn bán than nhưng thất bại. Nghĩ đến cảnh cha mẹ và anh em ở nhà túng thiếu, Hùng hết muốn về bởi vì xấu hổ và tự trách mình. Anh lên lò than cho qua ba ngày tết. Hồng Loan cũng theo tìm anh: “Bóng hồng hiện ra. Cả mùa xuân nở trên nụ cười của cô. (...) Cô ngồi xuống bên Hùng và chủ động tựa đầu vào vai anh” (Nguyễn, 2019, tr. 72). Mặc dù mẹ cô không đồng ý: “Yêu nhau nhưng má cô bảo đã hứa hôn khi má Hùng bóng gió về một mối kết thân tình” (Nguyễn, 2019, tr. 71). Tình yêu chân thành luôn hướng con người đến niềm hy vọng mới mẻ và tươi đẹp. Những tình yêu gọi nên sự tử tế, chân thành, vượt lên cái nhỏ bé tầm thường trong cuộc sống.

Đặt hai hình ảnh đối lập nghèo khó, túng quẫn về vật chất và giàu có, đầy đặn về tâm hồn để làm nổi bật cái đẹp bên trong những con người cơ cực dưới đáy xã hội. Nhà văn Nguyễn Trí đã nhìn thấy và trân trọng vẻ đẹp ẩn sâu trong nhân vật của ông là thiết tha niềm yêu đời, yêu người, thèm yêu thương và thèm chia sẻ. Họ luôn hướng đến sự tử tế, lương thiện ngay cả khi cuộc đời đắng như chén rượu. Cho thấy niềm lạc quan, tin yêu vào cuộc đời bởi vì: “Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ”.

2.3. Phê phán mặt trái xã hội

Bên cạnh xót xa cho phận đời cùng cực, trân quý vẻ đẹp tâm hồn con người thì Nguyễn Trí còn thẳng thắn bày tỏ cái nhìn và quan điểm trước những mặt trái của xã hội.

Với đề tài thế sự nổi bật, nhiều vấn đề mang hơi thở cuộc sống được đặt ra như: phá rừng, ma túy, rượu chè, cờ bạc, số đề, tiêu cực trong giáo dục, tệ nạn mại dâm... đều phơi bày trực diện trong truyện ngắn của Nguyễn Trí.

Trong *Rừng nổi giận* phản ánh chuyện phá rừng, trộm gỗ quý khiến con người phải gánh chịu hậu quả: “Thần rừng đã nổi giận, từ thẳng chỉ huy cưa khối u cây gỗ, đến những thẳng thuê mướn như bọn tao đều dính tai họa, giám đốc lâm trường cho chí bảo vệ đều tù tội. Chỉ làm nhiệm vụ sai vật cho bọn tao mà Chín Bói cũng họa lây...” (Nguyễn, 2017a, tr. 64).

Phơi bày sự tàn độc từ ma túy, Nguyễn Trí kể trong *Bát lực* thực sự ám ảnh. Ba người bạn già từ các nơi khác nhau gặp gỡ và cùng cảnh ngộ khi đến trại cai nghiện thăm con. Mỗi hoàn cảnh là một bi kịch đau đớn và xót xa. Con ông Đức chết vì tự tử bằng ma túy. Con ông Xá ăn trộm bị dân mất của phục kích đánh chết cũng vì ma túy. Con ông Bình chết vì phê ma túy, phóng xe như bay đâm vô con lươn giữa đường và chết. Những cái chết do ma túy gây ra để lại nỗi đau lòng khôn xiết của những bậc làm cha làm mẹ, họ tìm mọi cách cứu con thoát khỏi ma túy từ đưa đi trại cai nghiện, cầu xin các đảng tối cao, cho đến đặt niềm tin còn sót lại rằng con mình nhưng hoàn toàn bất lực: “Tôi còn cầu xin hỗ trợ từ Chúa cho đến Phật và một triệu đảng thiêng liêng khác mà vẫn bó tay chịu sâu”. (Nguyễn, 2017b, tr. 32).

Các vấn đề như rượu chè, cờ bạc, số đề, mại dâm đều thu nhỏ đặt trong truyện *Bỏ. Phải bỏ, Xóm ven sông, Ngoạ tình, Kì Bèo, Sáu Lém, Trong nghĩa địa...*

Trong *Xóm ven sông* là bức tranh đa dạng: “Có biến thì người ta thở than vậy nhưng qua rồi thì xóm Sông lại ì xèo số đề, bốc xếp và kinh lộn” (Nguyễn, 2018, tr. 153). Ở đó tập hợp những người từ mọi tầng lớp làm rừng, bốc xếp, bác sĩ, buôn bán vật bún riêu, đậu hủ chén cho đến ghi số đề... Dù mọi hạng người dưới cùng xã hội. Phượng chuyên ghi số đề kiếm hoa hồng, bán kem bịch từ nước sông, đường và phẩm màu gây ra cái chết của con Hải Lì. Lợi. - chồng của Phượng. - một người nghiện rượu, bê tha và sống dựa dẫm vào vợ. Hiền Chột bị tống lên huyện làm lao cải sáu tháng do tội ghi đề bị bắt quả tang. Hùng - bác sĩ - trị bệnh cho con Quốc bị sốt, sau ba ngày đưa nhỏ xui lơ và chết. Hải Lý xảy ra ẩu đả với Phượng, bị gô cổ lên huyện làm cỏ mía chưa hẹn ngày về. Sơn Hón rượu chè bê bối đi giao xì ke giúp cho Hai Cải bị bắt, bị đưa đi trại giáo dưỡng. Dung - con gái của Mẫn Phụng - bị giết chìm xuống ao sau nhà, do người tình ra tay.

Trong *Bỏ. Phải bỏ*, Loan Khênh bỏ nhà đi năm mười lăm tuổi rưỡi do cha dượng giờ trở sàm sỡ. Lên thành phố cô xin vào bán quán cà phê gặp Quẹo con chủ quán rồi cưới làm vợ. Do Quẹo trúng số độc đắc, rồi ăn chơi khét tiếng nên mở quán. Sau đó thì ông bà Thăng lần lượt qua đời, Loan trở thành bà chủ. Đến một hôm đầy tháng con, Quẹo uống xin lại chơi thêm thuốc lác, rồi bị tai nạn xe đâm đầu vào con lươn. Chồng chết, Loan bị tống cổ ra khỏi nhà, chỉ mới mười bảy tuổi và đưa con nhỏ. Ba năm sau, số tiền dành dụm tích góp trước đây Loan xài hết, lớp tiền gửi về quê cho má, lớp tiền cho con đi nhà trẻ... Loan đành đến sờ xoa bóp xông hơi. Nơi đây Loan gặp được lão gia lớn hơn mình bốn mươi tuổi che chở lúc khó khăn, đồng ý làm người tình. Sau khi nghe cô báo tin có thai, lão gia vui mừng đón nhận, mua xe mua nhà cho cô. Ai có ngờ tấn bi kịch xảy ra, lão gia gặp má cô và cô nghe lạnh chạy dọc sông lung. Nước mắt rơi trên đôi má già nua của má: “Loan để yên cho cả hai trùng phùng. Cô đề máy Liberty đưa tay xoa bụng trước khi chạy. Bỏ. Phải bỏ. Không thể để oan nghiệt tồn tại được. Có sa hòa ngục ngàn kiếp cô cũng phải bỏ” (Nguyễn, 2018, tr. 271).

Vấn đề tiêu cực giáo dục việc dạy thêm, học thêm và bệnh thành tích được phản ánh trong: *Cô giáo Sao Mai, Đối nghệ, Cô giáo Trinh, Cũng như ngày hôm qua...*

Chuyện dạy thêm, học thêm, bằng cấp giả thể

hiện rõ nét trong *Cô giáo Sao Mai*, tuy chỉ là giáo viên dạy tại một trường trung học nhưng cơ ngơi thì không giáo viên nào không ao ước. Sân nhà rộng đến năm mươi mét vuông nổi sân và nhà ở là hai mươi bộ bàn ghế, là nơi thật sự làm ra của cải. Mười năm trong nghề nhưng thực ra cô dạy ở nhà gấp ba thời gian ở trường. Một đến ba giờ một ca, ba đến năm giờ một ca và bảy đến chín giờ là ca cuối trong ngày: “Anh vẫn sáu bảy tám chín cô nhai mười năm nhân ba, nhuyễn như cháo cúng thí” (Nguyễn, 2017b, tr. 15). Cái chính là cô không hề giỏi chuyên môn nhưng vẫn điềm nhiên ở vị trí tổ trưởng bộ môn và đứng lớp: “Tuy bằng cấp nhưng học kiểu nghe qua phát thanh, tương đối khâu ngữ pháp nhưng phát âm cô chệch choạc, chẫu chàng lắm” (Nguyễn, 2017b, tr. 16). Cô vẫn không tự tin trước những lần giảng dạy cho giáo viên dự giờ: “Sợ nhất tiết dự giờ để đánh giá tiết dạy. Họ thông cảm vì cô chưa qua sư phạm, chưa có kinh nghiệm đứng lớp, nhưng họ chê thẳng cánh khâu phát âm của cô. Không tiết nào cô được đánh giá khá, chỉ trung bình là hết mức” (Nguyễn, 2017b, tr. 17). Nhưng cô rất khéo léo trong giao tiếp: “Cô biết vợ thầy hiệu trưởng cần chi, nhà cô hiệu phó chuyên môn thiếu tiện nghi gì. Trên tất cả cô biết ai cũng thích nghe lời nói nịnh. Quan trọng là phải biết nói làm sao để lọt đến xương cùng” (Nguyễn, 2017b, tr. 20). Tuy nhiên, gia đình cô đang trên bờ vực tan vỡ khi chồng cô đòi ly dị nếu cô không chịu bỏ chuyện dạy thêm như một lời cảnh tỉnh.

Trong nghĩa địa, là kiểu ăn chặn kẻ cả với người chết do Hùng bảo kê. Việc nhỏ việc lớn ở nghĩa địa đều có và thù lao luôn hậu do một tay Hùng quản: “Ai muốn chôn cất phải qua Hùng, nhờ anh chỉ cho một mảnh đẹp đẹp, đào dùm cái huyệt và xây giúp cái kim tinh. Chôn xong nhờ chú xây luôn cái mả... Giá cả xong, Hùng gọi đệ tử” (Nguyễn, 2016a, tr. 198). Cho đến chuyện xin nhập vào chùa Gò cũng do Hùng đảm nhiệm. Một phần do Hùng được sư trụ trì quý, một phần do các tay ở thị xã, phố lớn, đem người thân vô lò thiêu thì không nở nên nhờ Hùng chạy chọt dùm. Hoặc những bộ hốt cốt xa về mà không đưa được vô chùa để hưởng khói hương kinh kệ thì Hùng nuốt ngon cơm nhất: “Hùng cũng đơn từ, mệc đồ ra cái đất mới như ai” (Nguyễn, 2016a, tr. 202) rồi Hùng đem bán lại cho những người cần mua chỗ chôn cất, họ đâu có hay biết chỗ con em mình nằm trong chỗ đã có người yên nghỉ. Ngoài những kiếm chác tương đối như trên, Hùng Nghĩa Địa còn kiếm

tiền thêm từ những việc vất như lau má đá, quét vôi má xây, làm cỏ má đất...

Đằng sau những câu chuyện buồn phơi bày rất thực mặt trái của xã hội, Nguyễn Trí cất lên tiếng nói thức tỉnh lương tri của con người trước nhiều vấn nạn đau lòng, nhức nhối đã và đang diễn ra hàng ngày. Giữa cuộc đời trần trụi, dữ dội và đau khổ chỉ có thể là yêu thương, vị tha, bao dung để mỗi cá nhân luôn sống ý thức, trách nhiệm với bản thân và với cuộc đời trong từng sát-na.

2.4. Một vài đặc sắc trong nghệ thuật

Văn phong của Nguyễn Trí ghi dấu ấn với độc giả ở các đặc điểm: sử dụng chất liệu hiện thực, những câu chuyện độc lạ kèm theo giọng kể tung tung như bông đùa. Chất Nam Bộ thể hiện rõ qua lời ăn tiếng nói thông thường. Có truyện với dung lượng như tiểu thuyết: *Giã từ vàng, Trầm hương, Đồ tể, Ngoại tình, Chả có gì bất thường...* Tuy nhiên cũng có truyện không dài dòng, dung lượng ngắn: *Có biết không, Thiên sứ, Người điên không biết nhớ, Những kẻ không có thiên đường, Vô thường, Đoạn trường, Đời cứ thế trôi...* Cốt truyện có yếu tố bất ngờ, các tình huống mở ra nhiều hướng đi và gợi nhiều suy nghĩ ở độc giả.

Theo B. Brêch nhận xét rằng: “Các nhân vật của tác phẩm nghệ thuật không phải giản đơn là những bản dập của những con người sống, mà là những hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ tư tưởng của tác giả” (Pôxpêlôp, 1998, tr. 210). Với dụng ý nghệ thuật đó, Nguyễn Trí luôn để nhân vật của ông có bên ngoài xù xì, bụi bặm nhưng ẩn sâu là tâm hồn đẹp đẽ và hướng thiện. Đây cũng là quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn Nguyễn Trí như ông từng chia sẻ trong lời cảm ơn *Ngoi lên từ đáy*: “Tôi đi qua nhiều tang thương của đời sống. Những kẻ tôi quen biết tuy dưới đáy xã hội nhưng bao giờ tình thương trong họ cũng vun đầy”. Trong *Giã từ vàng*, Minh Tàn dững cảm lời cái xác trong hầm bị sập vì thương cảm dành cho bà mẹ và vợ của người mất, đó là hành động đầy ấp tình người chứ không phải vì lợi ích. Trong *Đá quý*, Thu Râu cho Sinh Trọc mượn tiền trả nợ mà không cần bất cứ điều kiện nào. Trong *Ở thành phố*, già Hưng chạy xe ôm nhưng hào hiệp đỡ cho cô vũ nữ Trâm một nhát dao. Trong *Thiên sứ*, ngoại hình Tinh xấu xí nhưng tình yêu anh dành cho Lan vô cùng cao thượng. Anh bán máu để có tiền chạy chữa cho bé Vy, anh lặng lẽ đứng phía sau tình yêu

và nhìn Lan hạnh phúc khi quay lại với chồng. Bằng chất liệu hiện thực kết hợp với thể mạnh ngôn ngữ mang đậm lời ăn tiếng nói thông thường, nhà văn đã dựng nên những bức chân dung sinh động và gần gũi.

Với vốn sống dày dặn, Nguyễn Trí miêu tả rành mạch, cụ thể về nhiều nghề ông từng trải qua, chẳng hạn như đồ tể: “Nước trong nồi reo vui là xách búa nhảy vô chuồng. Cái sống của lưỡi búa chém vung lên đập thật mạnh vào tam tinh của chú Trư. Kẻ hai chân trước, người hai chân sau đặt lên bệ thọc tiết. Một thanh gỗ được cột chặt một sợi dây móc vào bệ, khóa chú heo lại. Rửa thật sạch bằng vòi xịt. Không sạch khách hàng xoi tiết canh phát giác ra mùi là hết uy tín. Cái móc hàm nâng cổ và đạo thọc sâu vào tận tim, phải làm sao chỉ một nhát, hai nhát là tiết mất ngon” (Nguyễn, 2014b, tr. 21). Nguyễn Trí còn miêu tả tường tận việc hốt cốt: “Chả biết Hùng học được cái nghề hốt cốt ở đâu mà hẩn rành sáu câu. Hốt phải từ chân trở lên, bắt đầu từ xương bàn chân, ống quyển, xương đùi, vân vân, tất cả được Hùng xếp đầu ra đó trên một mảnh giấy trắng lớn rồi cho vô tĩn” (Nguyễn, 2016a, tr. 199) và “Khi cái áo quan lộ diện. Bắt đầu thò xà beng vô để cạy lớp đinh đóng nắp là bọn hành nghề đã tưới rượu từ đầu đến tận chân. Hai thằng nâng nắp đặt lên đóng đất. Những cái xác chôn chưa đến kỳ chỉ mất quý mới dám nhìn... Bọn lóc thịch xác chết sẽ cầm can rượu lên tu ừng ực. Từ thời điểm vung lưỡi dao mổ cho đến khi hoàn tất họ chỉ uống, nhiều ngày sau cũng uống nhiều hơn ăn. Thực vậy, vô cùng kinh rợn khi lóc những thớ thịt đã bùng nhùng, bùng nhùng. Quan trọng nhất là cái đầu... Chỉ máu lạnh thì chưa đủ để làm cái nghiệp này, cần phải biết tu rượu ừng ực nữa. Xong đầu đó người ta sẽ đưa bộ xương vào một cỗ hàng mới, cũng thợ thầy kinh kệ đưa hồn người chết về nơi yên nghỉ mới” (Nguyễn, 2016a, tr. 200-201). Ông thể hiện sự am tường về nghề làm đá quý: “Hầm đá quý không sâu. Tám thước xuống là tối đa, đất lở lại không cù, nên phải đào miệng loe, đáy túm. Miệng hầm ba mét, đáy còn mét hai, chủ yếu xả taluy, có hầm taluy những năm mươi mét. Bò vào những địa đạo đó ai cũng ngỡ mình đi dự hội nghị cùng diêm vương” (Nguyễn, 2014a, tr. 88) hay “Làm đá chỉ hoạt động vào mùa nắng hạn, mưa phải rời bãi, thặng nào tiếc là bỏ thây” (Nguyễn, 2014a, tr. 89).

Có khi Nguyễn Trí cất nghĩa khái niệm, tiếng lóng một cách tỉ mỉ chỉ có dân giang hồ mới biết:

“Tìm trầm, dân chuyên nghiệp gọi lóng là đi “địu”. Địu là gì? Tại sao phải gọi muôi là “điêm” và gạo là “mễ”? Tại sao phải gọi là “xuôi” hoặc “ngược” ngàn mà không gọi đi - về? Điều này thuộc bí ẩn của rừng xanh núi bạc” (Nguyễn, 2014a, tr. 130). Có khi nhà văn miêu tả chi tiết về rìu của dân đi “địu”: “Một lưỡi rìu tốt chỉ cần phốt vài đường trên đá mài là cạo râu ngọt hơn dao cạo. Lưỡi rìu dài mười lăm, ngang bốn phân, thợ rèn khoét một rãnh ba phân, dài mười phân và tra vào đó một tay lái. Tay lái phải là một gốc mây song càng già càng tốt. Cán rìu được làm bằng gỗ của cây ròi, một loại cây vừa dẻo vừa dai, người đóng ghe tàu đi biển dùng nó làm chốt gài mộng thế cho đinh hoặc bù loong thép” (Nguyễn, 2014a, tr. 131). Nguyễn Trí còn thể hiện sự am tường về các vật dụng chuyên dụng cho việc tìm trầm. Ông miêu tả rất cụ thể về xia: “là đồ nghề trong nghệ thuật nạo trầm. Bộ đồ này gồm bốn đến sáu cái. Từ nhỏ tí và mảnh như cái móc, cái bẩy để làm vệ sinh tai của thợ hớt tóc, đến lớn như cái đục vũa của thợ mộc. Tất cả phải ngọt, ngót và bén khùng khiếp để có thể nạo từng li, từng dem Kỳ Nam bám vào trong phần thịt của cây dó” (Nguyễn, 2014a, tr. 133). Niền là gì? Nguyễn Trí đã giải thích rất cặn kẽ: “Vào rừng ròi, mỗi cặp thợ - thường là một cặp vợ chồng - được cai thầu chỉ định cho một cụm để ra tay, phải làm cho sạch cụm đó mới được chỉ cho nơi khai thác. Mỗi vị trí sẽ được dọn sạch gọi là *Mà*. Mà là nơi tập trung lò ô cây, sau đó cưa bỏ mắt, chỉ lấy thân, mỗi đoạn dài bốn mươi phân, mỗi ống chẻ ra làm bốn, xếp đều vô một vòng tròn được thắt bằng vô lò ô non có đường kính cũng bốn mươi phân, nêm lại cho thật chặt là ta có một bó. Mỗi bó như vậy được gọi là *niền*” (Nguyễn, 2014a, tr. 159-160).

Đôi lúc Nguyễn Trí miêu tả bằng giọng văn đầy niềm buồn thương thể hiện nỗi cô đơn khi xa nhà lúc xuân về của Trình trong *Trên đồi đất đỏ*: “Bỗng trong thình lảng, tiếng hú thẳm thăm vang lên, nghe âm u như tiếng gọi oan hồn từ đâu đó. Trình giật mình rờn gai ốc, mãi một lúc anh mới định lại thần. Gật gật ra cái vẻ chả có chi lạ. Xưa, lúc băng ngàn lội suối tìm trầm, anh đã từng nghe những con vượn cô đơn réo gọi bạn tình. Tiếng hú đơn độc bay khắp rừng xanh làm Trình não lòng muốn khóc” (Nguyễn, 2016a, tr. 182). Hoặc trong *Vô thường* Nguyễn Trí thể hiện giọng điệu buồn thương trước cái chết dù biết cuộc đời vô thường: “Cả thiên hạ áp Một nhìn con dao và cái đĩa đựng vàng. Họ cùng nhận ra giờ đây chủ nhân

của nó không thể xài được. Cầm còn không xong ở đó mà xài. Ai cũng ngộ câu Đòi phù du có nghĩa chi, những lợi danh sẽ tan thành tro...” (Nguyễn, 2014a, tr. 331). Đôi lúc miêu tả bằng giọng điệu thương cảm dành cho Tinh lùn: “Ồ đó có một người dị dạng, ngời lạng yên buồn bã dưới một gốc dàu. Lâu lâu có một người đến, trao đổi gì đó... Người dị dạng đứng lên đi, một lát lại về, lại yên lạng... Đầu cúi thấp và cái mũ sụp...” (Nguyễn, 2014b, tr. 376). Đôi lúc giọng văn tung tung bông đùa trước giá trị của đồng tiền trong xã hội như: “Đúng là trong họa có phước, trong phước có họa. Sau đó thì sao? Thì lâu lâu kéo vai áo xuống kể cho phố thị biết một thời ngang dọc, khoác lác xong lại buồn buồn kể về một con hồ mang bành. Rồi kết luận tiền là tiên là Phật, nó mua được tất cả, ngăn được tất cả các dòng chảy. Cả dòng chảy của nước mắt” (Nguyễn, 2014a, tr. 153). Hoặc: “Trời, xứ sở mình giàu thiệt chớ chơi sao? Vàng, trầm hương, đá quý. Vậy mà mình nghèo là sao? Nhớ nghe, lớp đất như vậy là khả năng có vàng rất cao, còn đất như vậy là phải có đá quý. Để ý cho kỹ vào, rồi có một ngày phe ta sẽ gác rìu ôm mâm. Còn bây giờ ta rong ruổi” (Nguyễn, 2014a, tr.141).

Một nét đặc sắc khác trong truyện ngắn Nguyễn Trí, đó là sự đối đáp giữa người đọc và nhân vật trong truyện: “Tôi không sợ chết. Thật đó. Không tin sao? Này nhé, tôi không vợ, không con, vô gia đình. Có được ba sào đất cho thuê ở khu kinh tế, chả nghĩa địa gì. Nên chi cái chết chả đáng sợ. Mà suy cho cùng ai chả chết. Dưới hầm hay nghĩa địa cùng đều trong đất mẹ. Vội lại giày dép còn có số nói chi con người. Thật vậy” (Nguyễn, 2014a, tr. 60). Cũng có thể là người viết đối đáp với người đọc: “Làm sao biết tuổi vàng và giá cả? Vậy mà cũng hỏi. Đá thử tuổi chủ hàng sẽ mang lên. Còn giá? Nằm trong mấy tờ báo chớ đâu. Nhỡ bệnh tật, sốt rét thì sao? Ở rừng, ở bãi thàng nào không sốt rét kinh niên. (...) Chết hả? Xúm nhau khiêng ra đốc Ma Troi. Cuộc đó, xeng đó. Hàng hả? Làm gì có, tám chiếu, cái mền của nó thì trùm cho nó. Cát bụi trở về cát bụi. Có gì quan trọng đâu?” (Nguyễn, 2014a, tr. 31). Hoặc: “Hầm có chiều ngang hai mét, chiều dài hai rưỡi. Chi mà lớn dữ vậy? À, hầm cạn nhất là hai mươi mét, phải rộng đường khí mới xuống được, cỡ đó mà mấy thàng bắt cần, chết ngộp khi xuống đáy hầm là thường” (Nguyễn, 2014a, tr. 15). Lời văn tung tủy với rất nhiều chất liệu và vốn sống, người đọc thực sự ấn tượng với những nét độc đáo riêng của Nguyễn Trí.

3. Kết luận

Nguyễn Trí chia sẻ trong lời mở đầu *Ngoi lên từ đáy*: “Tôi viết về họ bằng trái tim chân thật của tôi, viết mà không vì một lợi ích nào. (...) Tôi tìm thấy được lòng nhân ái, nét nhân văn trong những người ở đáy xã hội”. Cảm hứng nhân văn này tràn đầy và thấm đẫm lên từng con chữ trong truyện ngắn của ông.

Nhà văn đã mạnh dạn, phơi bày những mặt trái của xã hội, những vấn đề nhức nhối mang tính thời sự. Qua đó muốn gửi gắm thông điệp thức tỉnh lương tri con người trước sự cám dỗ của đồng tiền, của danh lợi. Những câu chuyện ý nghĩa mong muốn nâng cao ý thức bảo vệ rừng, xóa bỏ tiêu cực trong giáo dục, bài trừ tệ nạn ma túy, mại dâm và nhấn mạnh sự yêu thương sẻ chia của cha mẹ rất quan trọng với con cái, hạnh phúc gia đình. Nguyễn Trí luôn hướng độc giả vươn đến những điều tốt đẹp trong cuộc sống bằng sự mẫn cảm, thấu hiểu và xót xa trước những phận người bất hạnh. Ông luôn tin tưởng rằng cho dù họ đối mặt với rất nhiều bi kịch, nghiệt ngã giữa cuộc đời nhiều nhương thì đằng sau những bất trắc, mong manh luôn hiện diện tình người, tình yêu, sự lương thiện và khát khao sống tử tế.

Với cảm hứng nhân văn thấm đẫm trong từng trang viết, chúng tôi tin rằng Nguyễn Trí đã có những đóng góp nhất định cho nền văn học Việt Nam đương đại. Ít nhiều mang đến những giá trị vĩnh cửu về tinh thần con người mà nghệ sĩ chân chính luôn hướng đến.

Tài liệu tham khảo

Lê, B. H., Trần, Đ. S., & Nguyễn, K. P. (Đồng chủ biên). (2010). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

Nông, H. D. (Ngày 19 tháng 01 năm 2014). Nguyễn Trí: Tiểu sử gây sững sốt. *Tiền Phong*. Truy cập từ <https://tienphong.vn/nguyen-tri-tieu-su-gay-sung-sot-post669849.tpo>.

Nguyễn, Đ. H. (2015). Khái niệm chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa nhân đạo (Humanism) trong khoa nghiên cứu văn học ở Việt Nam từ 1945 đến nay. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 39, 82-90.

Nguyễn, T. (2014a). *Bãi vàng đá quý trầm hương*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.

Nguyễn, T. (2014b). *Đỏ tể*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.

Nguyễn, T. (2016a). *Áo và sợ*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.

Nguyễn, T. (2016b). *Ngoi lên từ đáy*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Văn hóa - Văn nghệ.

Nguyễn, T. (2017a). *Khùng*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Hội Nhà văn.

Nguyễn, T. (2017b). *Nguy*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Nhã Nam và Hội Nhà văn.

Nguyễn, T. (2017c). *Trí Khùng tự truyện*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn và Thaihabooks.

Nguyễn, T. (2018). *Mạt cưa-rượu trắng-đường vàng*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Phụ nữ.

Nguyễn, T. (2019). *Bên kia ánh sáng*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn, T. (2020). *Ma bùn-lưu manh và những truyện khác của Nguyễn Trí*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.

Phương, L. (Chủ biên), Nguyễn, N. T., La, K. H., & Lê, L. O. (2002). *Lý luận văn học (Tập 1)*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.

Pôxpêlôp, G.N. (1998). *Dẫn luận nghiên cứu văn học* (Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Lê Ngọc Trà, Biên dịch). Hà Nội: NXB Giáo dục. (Quyển sách gốc được xuất bản năm 1985).

Trần, Đ. S. (2006). *Giáo trình dẫn luận thi pháp học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.